



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

1

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, X No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN NGOC DINH
Last Middle First
- Current Address 318/116 THOAI NGOC HAU ST, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY
VIETNAM
- Date of Birth Jan/12/1931 Place of Birth NAMDINH, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Policeman, 1st Sergeant
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Aug/19/1975 To Mar/15/1978
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN KIM HOAN
Name
, SUNNYVALE, CA. 94087, Phone:
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | Name, Address & Telephone | Relationship |
|---|--------------|
| 1)-NGUYEN KIM HOAN <u>SUNNYVALE, CA. 94087, Phone:</u> | Cousin |
| 2)-NGUYEN THI BA (Same Address & Teleph. as above) | " |
| 3)-NGUYEN PHU QUANG " | " |
| 4)-NGUYEN THI OANH <u>San Jose, CA 95126</u>
Telephone | " |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: Nov/25/1988

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN NGOC DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)- PHAM THI VY	Feb/20/1937	Wife
2)- NGUYEN NGOC CUONG	Dec/28/1962	Son
3)- NGUYEN DUC THINH	Apr/17/1965	"
4)- NGUYEN THI TUYET NHUNG	May/30/1967	Daughter
5)- NGUYET THI NGUYET NGA	Jul/23/1969	"
6)- NGUYEN THI KIM THU	Feb/19/1972	"
7)- NGUYEN THI HONG DIEP	Jan/10/1976	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỌ SỞ TÊN :
NGUYỄN NGỌC ĐÌNH
(trung sĩ Cảnh Sát)

Ngày 29 tháng 01 năm 1989

Kính gửi Bà KHÚC MINH THO
Chủ Tịch Hội GDTNCT VIETNAM

Thưa Bà Chủ Tịch,

Tôi có người em họ là NGUYỄN NGỌC ĐÌNH là cựu Trung Sĩ Cảnh Sát trong thời VIỆT NAM CÔNG HÒA đã bị học tập cải tạo và đã được trả tự do, hiện nay còn ở VIỆT NAM cùng với 1 vợ và 6 con. Tôi đã lập hồ sơ bảo lãnh cho gia đình NGUYỄN NGỌC ĐÌNH nhưng chưa có kết quả.

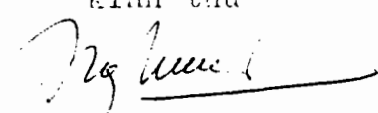
Nay tôi gửi đến Quý Hội hai tập hồ sơ này để kính xin Bà Chủ Tịch cho ghi vào Danh Sách những TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ và chuyển để lên cơ quan Chính Quyền Hoa Kỳ để NGUYỄN NGỌC ĐÌNH và gia đình có thể được xuất ngoại và nhập cảnh Hoa Kỳ theo chương trình ODP của Chính Phủ Mỹ.

CÁC GIẤY TỜ LIÊN HỆ GỒM CÓ :

- 1)- POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM 1
- 2)- INTAKE FORM 1
- 3)- AFIDAVIT OF RELATIONSHIP 1
- 4)- POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(USCC Form D) 1
- 5)- CAMP RELEASE CERTIFICATE (English Extract
Translation of Vietnamese Langage) 1
- 6)- CAMP RELEASE CERTIFICATE (Vietnamese Langage).. 1
- 7)- QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS 1

Xin kính chào Bà và thành thật cảm ơn Bà .

ĐIạ CHỈ :
O. HOAN NGUYEN
SUNNYVALE, CA 94087
USA

Kính thư

Ông NGUYEN KIM HOAN

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

(2)

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN NGOC DINH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : JANUARY 12 1931
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 318/116 THOAI NGOC HAU ST, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH
(Dia chi tai Viet-Nam) CITY, VIETNAM CITY, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): AUG/19/1975 To (Den): MAR/15/78

PLACE OF RE-EDUCATION: THU DUC CAMP (BIEN HOA)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Typist and driver (taxi)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): _____
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Policeman, 1st Sergeant
Date (nam): 1964-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Seven (7)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): NGUYEN NGOC DINH
318/116 THOAI NGOC HAU ST, TAN BINH DIST, HOCHIMINH CITY
VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN KIM HOAN, SUNNYVALE, CA 94087
Phone : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Cousin

NAME & SIGNATURE: HOAN NGUYEN, SUNNYVALE, CA 94087
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT Telephone : _____
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) [Signature]

DATE: November 25 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN NGOC DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)- PHAM THI VY	Feb/20/1937	Wife
2)- NGUYEN NGOC CUONG	Dec/28/1962	Son
3)- NGUYEN DUC THINH	Apr/17/1965	"
4)- NGUYEN THI TUYET NHUNG	May/30/1967	Daughter
5)- NGUYEN THI NGUYET NGA	jul/23/1969	"
6)- NGUYEN THI KI. THU	Feb/19/1972	"
7)- NGUYEN THI HONG DIEP	Jan/10/1976	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

ODP IV # _____
(if known)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF _____

SECTION I

Your Name: Mr/Ms NGUYEN KIM HOAN Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____

Your Address: SUNNYVALE, CA. 94087 (see ADDIT. INFORM.)
Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth: Jan.05/1919 Place of Birth: VIETNAM Nationality: VIETNAMESE

Date of Entry to U.S.: MAY 28 / 1984 From: (country/camp) VIETNAM

My Alien Registration Number: (if applicable) A- 37949617

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident X U.S. Citizen _____

My Naturalization Certificate Number: (if applicable) _____

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or _____ I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes _____ no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

the following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
NGUYEN NGOC DINH	Jan.12/1931	COUSIN	318/116 TH. NG. HAI
	VIETNAM		TAN BINH. HOCHIMINH

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ / Name/Position of Supervisor _____EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):Ministry or Military Unit _____ Last Title/Grade POLICE MAN / 1st SERGEANT
Name/Position of Supervisor _____FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ Date: from Aug.19/1975 to Mar.15/1978FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Date of Employment or Training: from _____ to _____
(month/year) (month/year)ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His Current address: _____SECTION IV

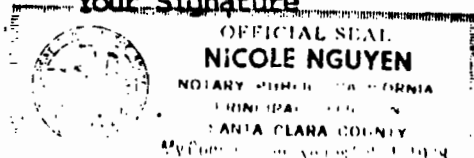
NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1.)-TRAN THI VY	Feb.20/1937	Wife
2.)-NGUYEN NGOC CUONG	Dec.28/1962	Son
3.)-NGUYEN DUC THINH	Apr.17/1965	Son
4.)NGYEN THI TUYET NHUNG	May 30/1967	Daughter
5.)-NGUYEN THI NGUYET NGA	Jul.23/1969	"
6.)-NGUYEN THI KIM THU	Feb.19/1972	"
7.)-NGUYEN THI HONG DIEP	Jan.10/1976	"

ADDITIONAL INFORMATION :MAILING ADDRESS IN USA :MR HOAN NGUYEN C/O OANH NGUYEN 4244

SAN JOSE, CA 95136 Phone :

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Your Signature _____

Subscribed and sworn to before me this 18 day of 12, 1985Signature of Notary Public _____ My Commission Expires: Feb.1-1988

USCC Form A



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

Telex:

ATTN: MRS

4

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN NGOC DINH
Last Middle First

Current Address 318/116 THOAI NGOC HAU ST. TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY,
VIETNAM

Date of Birth JAN. 12 / 1931 Place of Birth VIETNAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>1.)-TRAN THI VY (wife)</u>	<u>5.)-NGUYEN THI TUYET NGA (Daughter)</u>
<u>2.)-NGUYEN NGOC CUONG (Son)</u>	<u>6.)-NGUYEN THI KIM THU (")</u>
<u>3.)-NGUYEN DUC THINH (Son)</u>	<u>7.)-NGUYEN THI HONG DIEP (")</u>
<u>4.)-NGUYEN THI TUYET NHUNG (Daughter)</u>	

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From Aug. 19 / 1975 To Mar. 15 / 1978

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

Form Completed By:

NGUYEN KIM HOAN (Cousin)
Name

SUNNYVALE, CA. 94087 .Phone :
Address (See ADDITIONAL INFORMATION)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D
(12/84)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN NGOC DINH
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1.)-TRAN THI VY	Feb.20/1927	Wife
2.)-NGUYEN NGOC CUONG	Dec.28/1962	Son
3.)-NGUYEN DUC THINH	Apr.17/1965	Son
4.)-NGUYEN THI TUYET NHUNG	May 30/1967	Daughter
5.)-NGUYEN THI NGUYET NGA	Jul.23/1969	"
6.)-NGUYEN THI KIM THU	Feb.19/1972	"
7.)-NGUYEN THI HONG DIEP	Jan.10/1976	"

ADDITIONAL INFORMATION:

MAILING ADDRESS IN USA : MR HOAN NGUYEN C/O OANH NGUYEN

SAN JOSE, CA. 95136. Phone ;

Thu Duc Camp
N°0303

CAMP RELEASE CERTIFICATE

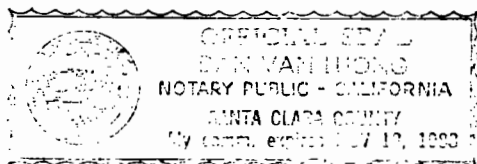
Name : NGUYEN NGOC DINH
 Date of birth : 1931
 Place of birth : Ha Nam Ninh
 Home address : 116 Cell 26 Ward 5 Tanbinh Dist. Hochiminh city
 Serial N°, Rank : Police Sergeant
 Position : Employee at H.Van Thu station (former regime)
 Certificate to be presented to, after release :
116 C.26 W.5 Tanbinh District Hochiminh city
 Period of surveillance : 6 months
 Moving time : 2 days (as of this certificate date)
 Cash & Food provided : From camp to family location
 In execution of decision : N°30 of 1/26/1978
 Date of issuance : 3/15/1978
 Issuing Officer: : Major Doan Mach

I, Trinh Tran, attest to my competency to translate from English into Vietnamese, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the Vietnamese original.

Signature Trinh Tran Date 8/28/1988

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 28TH DAY OF
AUGUST, 1988, AT SAN JOSE, SANTA CLARA COUNTY
 STATE OF CALIFORNIA.

Dan Van Luong
 DAN VAN LUONG
 Notary Public



Số : 0303

C, I X Y R A T R A I

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chỉnh sắn đội với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đang phải phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc Phòng, Nội vụ số ... ngày... về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ Tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 30 ngày 26.1.1978 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và Tên : NGUYỄN - NGỌC - BÌNH

Ngày, tháng năm sinh : 1931

Quốc quán : Hà Nam Ninh.

Trú quán : 116 tổ 26 Phường 5, Huyện Tân Bình, T.P. H.C.M.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền quốc sự và tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ : Trung sĩ Cảnh Sát nhân viên H. văn Thư ngụy.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban nhân Dân và Công An Xã, Phường, 116 tổ 26 Phường 5, thuộc Huyện quận Tân Bình, tỉnh thành phố Hồ Chí Minh và phải tuân theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế : 6 tháng.

- Thời hạn đi đường : 2 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : từ trại về đến gia đình.

Lấy tay ngón trỏ phải
của Nguyễn ngọc Bình

Người được cấp
giấy ký

Ngày 15 tháng 3 năm 1978

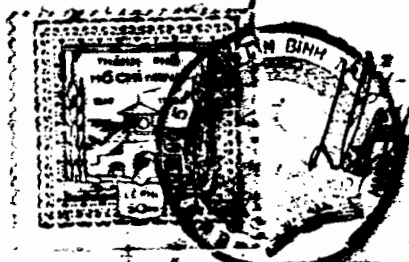
Giám Thị Trại

Thiếu Tá : ĐOÀN VẠCH
(Ký tên và đóng dấu)

SAO Y CHÁNH BẢN SỐ 009/ky/82

PHƯƠNG 009/15/ky/82 năm 1982

TM/U.B.N.D. PHƯƠNG



Văn Thư-Ký

Tham văn Đoàn

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

7

A-1

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: Nov./1st/1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

ORDELY DEPARTURE PROGRAM
127 PANJABHUM BUILDING
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120 THAILAND

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYEN NGOC DINH Sex: Nam
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : Khong
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : Jan. 12 /1931, tại NAMDINH, VIETNAM
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-tru : 318/116 THOAI NGOC HAU, Q. TAN BINH, TP. HOCHIMINH VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : - Nhu tren -
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Danh may chu, Tai xe (lai xe)
8. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, tên	Date of birth Ngày sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1) TRAN THI VY	Feb.20/1937	VIETNAM	Nu	Có chồng	Vợ
2) NGUYEN NGOC CUONG	Dec.28/1962	"	Nam	Độc thân	Con trai
3) NGUYEN DUC THINH	Apr.17/1965	"	Nam	Độc thân	Con trai
4) NGUYEN T.T.NHUNG	May 30/1967	"	Nu	Độc thân	Daughter
5) NGUYEN T. NG.NGA	Jul.23/1969	"	Nu	Độc thân	Daughter
6) NGUYEN T.KIM THU	Feb.19/1972	"	Nu	Độc thân	Daughter
7) NGUYEN T.HONG DIEP	Jan.10/1976	"	Nu	Độc thân	Daughter

Notes: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy hôn nhân (nếu đã lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thì ghi chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, tên NGUYEN KIM HOAN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình Ba con (cousin)

c. Address
Địa-chỉ SUNNYVALE, CA. 94087 USA.

(Xin xem cuộc chu phư: MAILING ADDRESS IN USA)

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ May /28/1984

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên :

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYEN QUOC TRAN (chet)

2. Mother
Mẹ : NGUYEN THI THEU (chet)

3. Spouse
Vợ/Chồng: : TRAN THI VY (song)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): Khong

5. Children
Con cái: (1) NGUYEN NGOC CUONG (song)

(2) NGUYEN DUC THINH (song)

(3) NGUYEN THI TUYET NHUNG (song)

(4) NGUYEN THI NGUYET NGA (song)

(5) NGUYEN THI KIM THU (song)

(6) NGUYEN THI HONG DIEP (song)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em: (1) NGUYEN QUOC TRUNG (song)

(2) NGUYEN HUU CHI (song)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

A-3

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN NGOC DINH

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 1964 Đến Apr. 30 /1975

3. Last Rank , Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng Trung sỹ nhất the nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Canh sát Quốc gia

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : _____

6. Reason for Separation : Bien co Apr. 30 /1975 (Thay doi Chinh Phu)
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có Không X.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____

3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYEN NGOC DINH

2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: Aug. 19/75 Đến: Mar. 15 /1978

3. Still in Reeducation? Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có _____ Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

-Dinh kèm theo đây

I. Any Additional Remarks?/Cứu chú phụ-thuộc

MAILING ADDRESS IN USA :

MR. HOAN NGUYEN C/O OANH NGUYEN

CA. 95136 Phone _____

SAN JOSE

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

Nov. 1st/1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

7

A-1

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: Nov./1st/1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

ORDELY DEPARTURE PROGRAM
127 PANJABHUM BUILDING
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120 THAILAND

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name / Họ, tên : NGUYEN NGOC DINH Sex: Nam / Giới tính: Phái
2. Other Names / Họ, tên khác : Khong
3. Date/Place of Birth / Ngày/Nơi Sinh : Jan. 12 /1931, tại NAMDINH, VIETNAM
4. Residence Address / Địa-chỉ thường-trú : 318/116 THOAI NGOC HAU, Q. TAN BINH, TP. HOCHIMINH VIETNAM
5. Mailing Address / Địa-chỉ thư-tử : - Nhu tren -
6. Current Occupation / Nghề-nghiệp hiện tại : Danh may chu, Tai xe (lai xe)

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thân (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, tên	Date of birth Ngày sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1) TRAN THI VY	Feb.20/1937	VIETNAM	Nu	Co chong	Vo
2) NGUYEN NGOC CUONG	Dec.28/1962	"	Nam	Doc than	Con trai
3) NGUYEN DUC THINH	Apr.17/1965	"	Nam	Doc than	Con trai
4) NGUYEN T.T.NHUNG	May 30/1967	"	Nu	Doc than	Daughter
5) NGUYEN T. NG.NGA	Jul.23/1969	"	Nu	Doc than	Daughter
6) NGUYEN T.KIM THU	Feb.19/1972	"	Nu	Doc than	Daughter
7) NGUYEN T.HONG DIEP	Jan.10/1976	"	Nu	Doc than	Daughter

For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy hôn nhân (nếu đã lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thân), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thì cung-cấp với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative in the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, tên	NGUYEN KIM HOAN	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	Bà con (cousin)	
c. Address Địa-chỉ	SUNNYVALE, CA. 94087 (Xin xem cuộc chu	USA. phụ: MAILING ADDRESS IN USA)
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	May /28/1984	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	NGUYEN QUOC TRAN	(chết)
2. Mother Mẹ	:	NGUYEN THI THEU	(chết)
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	TRAN THI VY	(sống)
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	Không	
5. Children Con cái:	(1)	NGUYEN NGOC CUONG	(sống)
	(2)	NGUYEN DUC THINH	(sống)
	(3)	NGUYEN THI TUYET NHUNG	(sống)
	(4)	NGUYEN THI NGUYET NGA	(sống)
	(5)	NGUYEN THI KIM THU	(sống)
	(6)	NGUYEN THI HONG DIEP	(sống)
	(7)		
	(8)		
	(9)		
6. Siblings Anh chị em:	(1)	NGUYEN QUOC TRUNG	(sống)
	(2)	NGUYEN HUU CHI	(sống)
	(3)		
	(4)		
	(5)		
	(6)		
	(7)		
	(8)		
	(9)		

F. Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN NGOC DINH
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Đến
1964 Apr. 30 /1975
3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng Trung sỹ nhà thẻ nhân-viên: _____
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Canh sat Quoc gia
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
Chỉ-huy : _____

A-4
6. Reason for Separation : Bien co Apr. 30 /1975 (Thay doi chinh Phu)
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có Không X.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Tới:

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYEN NGOC DINH

2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: Aug. 19/75 Tới: Mar. 15 /1978

3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

-Dính kèm theo đây

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

MAILING ADDRESS IN USA :

MR. HOAN NGUYEN C/O OANH NGUYEN

CA. 95136 Phone

SAN JOSE

Signature
Ký tên :

Date

Ngày:

Nov. 1st/1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

Số : 0303

C / I X Y R A T R A I
--

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc Phòng, nội vụ số ..., ngày... về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22.8.1977 của Thủ Tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 30 ngày 26.1.1978 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và Tên : NGUYỄN - NGỌC - ĐÌNH

Ngày, tháng năm sinh : 1931

Quê quán : Hà Nam Ninh.

Trú quán : 116 tổ 26 Phường 5, Huyện Tân Bình, T.P. H.C.V.

Số lĩnh, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền quân sự và tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ : Trung sĩ Cảnh Sát nhân viên H. văn Thư ngụy.

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban nhân Dân và Công An Xã, Phường, 116 tổ 26 Phường 5, thuộc Huyện quận Tân Bình, tỉnh thành phố Hồ Chí Minh và phải tuân theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế : 6 tháng.

- Thời hạn đi đường : 2 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : từ trại về đến gia đình.

Lấy tay ngón trỏ phải
của Nguyễn ngọc Đình

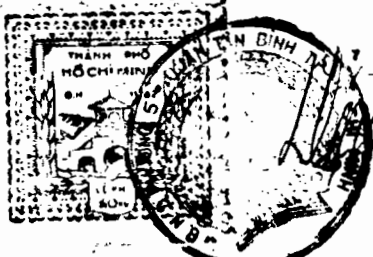
Người được cấp
giấy ký

Ngày 15 tháng 3 năm 1978

Giám Thị Trại

Thiếu Tá : ĐOÀN MẠCH
(Ký tên và đóng dấu)

SAC Y CHÁNH SÂN SỔ 000/ty/82
PHƯỜNG 5 ngày 15 tháng 6 năm 1982
TM/U.B.N.D. PHƯỜNG



Viên Thư-Ký

Tham văn Luật

Thu Duc Camp
N°0303

CAMP RELEASE CERTIFICATE

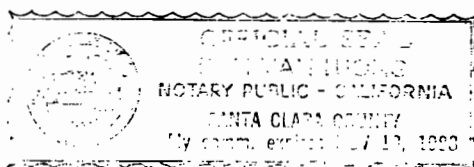
Name : NGUYEN NGOC DINH
 Date of birth : 1931
 Place of birth : Ha Nam Ninh
 Home address : 116 Cell 26 Ward 5 Tanbinh Dist. Hochiminh city
 Serial N°, Rank : Police Sergeant
 Position : Employee at H.Van Thu station (former regime)
 Certificate to be presented to, after release :
116 C.26 W.5 Tanbinh District Hochiminh city
 Period of surveillance : 6 months
 Moving time : 2 days (as of this certificate date)
 Cash & Food provided : From camp to family location
 In execution of decision : N°30 of 1/26/1978
 Date of issuance : 3/15/1978
 Issuing Officer: : Major Doan Mach

I, Trinh Tran, attest to my competency to translate from English into Vietnamese, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the Vietnamese original.

Signature Trinh Tran Date 8/28/1988

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 28TH DAY OF AUGUST, 1988, AT SAN JOSE, SANTA CLARA COUNTY STATE OF CALIFORNIA.

Dan Van Luong
DAN VAN LUONG
Notary Public





NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

Telex:

ATTN: MRS

4

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYEN NGOC DINH
Last Middle First

Current Address 318/116 THOAI NGOC HAU ST. TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY,
VIETNAM

Date of Birth JAN. 12 / 1931 Place of Birth VIETNAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1.)-TRAN THI VY (wife) 5.)-NGUYEN THI TUYET NGA (Daughter)
2.)-NGUYEN NGOC CUONG (Son) 6.)-NGUYEN THI KIM THU (")
3.)-NGUYEN DUC THINH (Son) 7.)-NGUYEN THI HONG DIEP (")
4.)-NGUYEN THI TUYET NHUNG (Daughter)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From Aug. 19 / 1975 To Mar. 15 / 1978

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

Form Completed By:

NGUYEN KIM HOAN (Cousin)
Name

SUNNYVALE, CA. 94087 .Phone :
Address (See ADDITIONAL INFORMATION)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D
(12/84)

PAGE 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.): NGUYEN NGOC DINH
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1.)-TRAN THI VY	Feb.20/1927	Wife
2.)-NGUYEN NGOC CUONG	Dec.28/1962	Son
3.)-NGUYEN DUC THINH	Apr.17/1965	Son
4.)-NGUYEN THI TUYET NHUNG	May 30/1967	Daughter
5.)-NGUYEN THI NGUYET NGA	Jul.23/1969	"
6.)-NGUYEN THI KIM THU	Feb.19/1972	"
7.)-NGUYEN THI HONG DIEP	Jan.10/1976	"

ADDITIONAL INFORMATION:

MAILING ADDRESS IN USA : MR HOAN NGUYEN C/O OANH NGUYEN

SAN JOSE, CA. 95136. Phone ;



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIPODP IV # _____
(if known)

DIOCESE OF _____

SECTION I

Your Name: Mr/Ms NGUYEN KIM HOAN Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____

Your Address: _____ SUNNYVALE, CA. 94087 (see ADDIT. INFORM.)
Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth: Jan.05/1919 Place of Birth: VIETNAM Nationality: VIETNAMESE

Date of Entry to U.S.: MAY 28 / 1984 From: (country/camp) VIETNAM

My Alien Registration Number: (if applicable) A- 37949617

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident X U.S. Citizen _____

My Naturalization Certificate Number: (if applicable) _____

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or _____ I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes _____ no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

the following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
NGUYEN NGOC DINH	Jan.12/1931	COUSIN	318/116 TH.NG.HAU.
	VIETNAM		TAN BINH.HOCHIMINH

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit _____ Last Title/Grade POLICE MAN /1st SERGEANT
Name/Position of Supervisor _____

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ Date: from Aug.19/1975 to Mar.15/1978

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Date of Employment or Training: from _____ to _____
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His Current address: _____

SECTION IV

NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1.)-TRAN THI VY	Feb.20/1937	Wife
2.)-NGUYEN NGOC CHONG	Dec.28/1962	Son
3.)-NGUYEN DUC THINH	Apr.17/1965	Son
4.)NGYEN THI TUYET NHUNG	May 30/1967	Daughter
5.)-NGUYEN THI NGUYET NGA	Jul.23/1969	"
6.)-NGUYEN THI KIM THU	Feb.19/1972	"
7.)-NGUYEN THI HONG DIEP	Jan.10/1976	"

ADDITIONAL INFORMATION :

MAILING ADDRESS IN USA :MR HOAN NGUYEN C/O OANH NGUYEN 4244

SAN JOSE, CA 95136 Phone :

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Your Signature

Subscribed and sworn to before me this 18 day of 12, 1985

Nicole Nguyen My Commission Expires: Feb-1-1988
Signature of Notary Public

OFFICIAL SEAL
NICOLE NGUYEN

NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA

SANTA CLARA COUNTY

USCC Form A

HỌ SỞ TÊN :
NGUYỄN NGỌC ĐÌNH
(trung sĩ Cảnh Sát)

Ngày 29 tháng 01 năm 1989

Kính gửi Bà KHÚC MINH THO
Chủ Tịch Hội GDTNCT VIETNAM

Thưa Bà Chủ Tịch,

Tôi có người em họ là NGUYỄN NGỌC ĐÌNH là cựu Trung Sĩ Cảnh Sát trong thời VIỆT NAM CÔNG HÒA đã bị học tập cải tạo và đã được trả tự do, hiện nay còn ở VIỆT NAM cùng với 1 vợ và 6 con. Tôi đã lập hồ sơ bảo lãnh cho gia đình NGUYỄN NGỌC ĐÌNH nhưng chưa có kết quả.

Nay tôi gửi đến Quý Hội hai tập hồ sơ này để kính xin Bà Chủ Tịch cho ghi vào Danh Sách những TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ và chuyển đề lên cơ quan Chính quyền Hoa Kỳ để NGUYỄN NGỌC ĐÌNH và gia đình có thể được xuất ngoại và nhập cảnh Hoa Kỳ theo chương trình ODP của Chính Phủ Mỹ.

CÁC GIẤY TỜ LIÊN HỆ GỒM CÓ :

- 1)- POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM 1
- 2)- INTAKE FORM 1
- 3)- AFIDAVIT OF RELATIONSHIP 1
- 4)- POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(USCC Form D) 1
- 5)- CAMP RELEASE CERTIFICATE (English Extract
Translation of Vietnamese Language) 1
- 6)- CAMP RELEASE CERTIFICATE (Vietnamese Language).. 1
- 7)- QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS 1

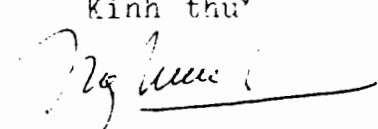
Xin kính chào Bà và thành thật cảm ơn Bà .

BIA CHI .

O. HOAN NGUYEN
1624 HOLLENBECK AVE # 5
SUNNYVALE, CA 94087

USA

Kính thư


Ông NGUYEN KIM HOAN



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

①

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, X No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN NGOC DINH
Last Middle First
- Current Address 318/116 THOAI NGOC HAU ST, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH CITY
VIETNAM
- Date of Birth Jan/12/1931 Place of Birth NAMDINH, VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Policeman, 1st Sergeant
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Aug/19/1975 To Mar/15/1978
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN KIM HOAN
Name
, SUNNYVALE, CA. 94087, Phone
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | Name, Address & Telephone | Relationship |
|---|--------------|
| 1)-NGUYEN KIM HOAN <u>SUNNYVALE, CA. 94087, Phone:</u> | Cousin |
| 2)-NGUYEN THI BA (Same Address & Teleph. as above) | " |
| 3)-NGUYEN PHU CUONG " | " |
| 4)-NGUYEN THI OANH <u>San Jose, CA 95126</u>
Telephone # | " |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: Nov/25/1988

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN NGOC DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)- PHAM THI VY	Feb/20/1937	Wife
2)- NGUYEN NGOC CUONG	Dec/28/1962	Son
3)- NGUYEN DUC THINH	Apr/17/1965	"
4)- NGUYEN THI TUYET NHUNG	May/30/1967	Daughter
5)- NGUYET THI NGUYET NGA	Jul/23/1969	"
6)- NGUYEN THI KIM THU	Feb/19/1972	"
7)- NGUYEN THI HONG DIEP	Jan/10/1976	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

②

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN NGOC DINH
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : JANUARY 12 1931
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 318/116 THOAI NGOC HAU ST, TAN BINH DISTRICT, HOCHIMINH
 (Dia chi tai Viet-Nam) CITY, VIETNAM CITY, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): AUG/19/1975 To (Den): MAR/15/78

PLACE OF RE-EDUCATION: THU DUC CAMP (BIEN HOA)
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Typist and driver (taxi)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): _____
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Policeman, 1st Sergeant
 Date (nam): 1964-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Seven (7)
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): NGUYEN NGOC DINH
 318/116 THOAI NGOC HAU ST, TAN BINH DIST. HOCHIMINH CITY
 VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
 NGUYEN KIM HOAN, SUNNYVALE, CA. 94087
 Phone : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Cousin

NAME & SIGNATURE: HOAN NGUYEN, SUNNYVALE, CA 94087
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT Telephone : _____
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: November 25 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN NGOC DINH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1)- PHAM THI VY	Feb/20/1937	Wife
2)- NGUYEN NGOC CUONG	Dec/28/1962	Son
3)- NGUYEN DUC THINH	Apr/17/1965	"
4)- NGUYEN THI TUYET NHUNG	May/30/1967	Daughter
5)- NGUYEN THI NGUYET NGA	jul/23/1969	"
6)- NGUYEN THI KIM THU	Feb/19/1972	"
7)- NGUYEN THI HONG DIEP	Jan/10/1976	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: HOAN NGUYEN

SUNNYVALE, CA. 94087

CONTROL

~~Card~~
~~Doc. Request; Form~~
~~Release Order~~
~~Computer~~
~~Form "D"~~
~~ODP/Date~~
☒ Membership; Letter u.s.
11/11/88